

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 5 - 2024

“Về ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đào Thị Hậu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thanh Minh và bà Nguyễn Thị Mai.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Đức Phú - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 154/2024/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 07/5/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đinh Thị C1, sinh năm 1970; ĐKHKTT: Khu dân cư số 6, phường P, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Chung cư C, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu dân cư số 9, phường P, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Đinh Thị C1 và bị đơn ông Nguyễn Văn C2 đều trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà C1 và ông C2 về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 3 năm 1989 tại xã I, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu và được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Tuy nhiên, bà C1 và ông C2 không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến năm 1998 ông bà chuyển đến sống và đăng ký thường trú tại khu dân cư số 6, phường P, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nhưng vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ khi về chung sống với nhau cho

đến nay ông bà không đăng ký kết hôn do thiếu hiểu biết về pháp luật. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã về mọi công việc chung trong gia đình. Từ đó tình cảm giữa hai bên phai nhạt. Đến năm 2006 ông bà mâu thuẫn căng thẳng và ly thân, ông C2 chuyển đến sống tại khu dân cư số 9, phường P, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Từ khi ly thân đến nay ông bà không còn liên lạc với nhau, không còn quan tâm và cũng không còn tình cảm với nhau. Bà C1 đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông C2, ông C2 nhất trí ly hôn bà C1.

- Về quan hệ con chung: Bà C1 và ông C2 có 02 con chung là: Nguyễn Thị D, sinh ngày 01/01/1990 và Nguyễn Thị L, sinh ngày 19/02/1993. Hiện nay cả hai con chung đều đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường nên khi ly hôn bà C1 và ông C2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Bà C1 và ông C2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại đơn xin xác nhận về tình trạng hôn nhân của bà Đinh Thị C1 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã I thể hiện nội dung:* Bà C1 xin xác nhận về việc bà và ông C1 chung sống như vợ chồng từ tháng 3 năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn.

*Theo xác minh tại khu dân cư số 6 và khu dân cư số 9:* Ông C2 và bà C1 về chung sống với nhau như vợ chồng từ trước năm 1998 tại khu dân cư số 6, phường P, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nhưng không đăng ký kết hôn tại địa phương. Hiện nay ông C2 và bà C1 không còn chung sống với nhau.

*Theo xác minh tại Ủy ban nhân dân phường P:* Qua tra cứu, soát xét hệ thống sổ đăng ký kết hôn lưu tại Ủy ban nhân dân phường P từ năm 1985 đến nay xác định: Không có tên người đăng ký kết hôn là ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1968; nơi ĐKKHKT: Khu dân cư số 6 hoặc khu dân cư số 9, phường P, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương kết hôn với bà Đinh Thị C1, sinh năm 1970; nơi ĐKKHKT: Khu dân cư số 6, phường P, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- *Tại phiên tòa:*

Bà C1 và ông C2 vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 14, Điều 16, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị C1, không công nhận vợ chồng giữa bà Đinh Thị C1 và ông Nguyễn Văn C2 Về

con chung: Không đặt ra việc giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Buộc bà Đinh Thị C1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Tòa án thụ lý vụ án về “Ly hôn”, bị đơn là ông Nguyễn Văn C2 hiện đang cư trú tại: Khu dân cư số 9, phường P, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là bà Đinh Thị C1 và bị đơn là ông Nguyễn Văn C2 vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà C1 và ông C2.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Bà Đinh Thị C1 và ông Nguyễn Văn C2 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 3 năm 1989, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc bà C1 và ông C2 chung sống không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà C1 có đơn xin ly hôn ông C2, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và mục 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà C1 và ông C2.

Về quan hệ con chung: Bà C1 và ông C2 có 02 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 01/01/1990 và Nguyễn Thị L, sinh ngày 19/02/1993, hiện đều đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường, ông bà đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Bà C1 và ông C2 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà C1 là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mục 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Đinh Thị C1 và ông Nguyễn Văn C2 là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Bà C1 và ông C2 có 02 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 01/01/1990 và Nguyễn Thị L, sinh ngày 19/02/1993, hiện đều đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường nên không đặt ra giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bà Đinh Thị C1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà C1 đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số: 0003958 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Bà C1 đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Ia Bông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Thị Hậu**